

VĂN BIA CHÙA TRÚC LÂM

Lược sử chùa Trúc Lâm



Chùa Trúc Lâm.

Chùa Trúc Lâm tên chính thức là 竹林大聖寺 *Trúc Lâm Đại Thánh tự*, nằm trên một ngọn đồi thấp ở thôn Thượng Một làng Dương Xuân (nay thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế). Chùa do Tỳ kheo ni Diên Trường sáng lập năm 1902. Bà thế danh Hồ Thị Nhân, người làng Chuồn, xã An Truyền, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế, con ông Hồ Đắc Tuấn, tức là em của Thượng thư triều Nguyễn Hồ Đắc Trung; mẹ là bà Công nữ Thúc Huân, cháu ngoại Tùng Thiện Vương Miên Thẩm. Bà chào đời năm Quý Hợi, Tỵ Đức 16 (1863), trưởng thành thì kết duyên với Nguyễn Đôn Lý ở làng Thế Lại Thượng huyện Hương Trà (nay là phường Phú Hiệp, thành phố Huế), sinh một trai (mất sớm) và một gái (Nguyễn Thị Kim Đính). Sau khi chồng chết (1898), bà xuất gia bái sư Cương Kỷ chùa Từ Hiếu làm thầy, pháp danh Thanh Linh, hiệu Diên Trường. Để có nơi tu hành, thấy chùa Phổ Quang hoang tàn, bà xin phép trùng hưng thành một già lam “Phật điện, phạm môn, tăng xá thiên trụ được sửa sang mới mẻ rõ ràng; ảnh tượng, đồ thờ trang nghiêm, đầy đủ”,⁽¹⁾ nhưng rồi Pháp đặt đường xe lửa chạy qua dưới chân đồi, không được yên tĩnh, bà bèn vào Cầu Lim dựng am khác, rồi đến chùa Tây Thiên xin hòa thượng Tâm Tịnh cho một đệ tử về làm tọa chủ. Hòa thượng cử đệ tử lỗi lạc nhất là sư Giác Tiên đến trú trì, đặt tên là Trúc Lâm Đại Thánh tự (1902). Bà tịch ngày 16 tháng Tư nhuận năm Ất Sửu (6/6/1925), Viên Thành Thượng Nhân có làm câu đối viếng.

Cơ ngơi của chùa lúc đầu nhỏ hẹp, vì chỉ do một mình ni sư Diên Trường bỏ tiền riêng ra xây dựng. Sư Giác Tiên trú trì, đến năm 1931, với đóng góp của thiện nam tín nữ, nhất là sự ngoại hộ mạnh mẽ của bà Hồ Thị Thanh Nhân,⁽²⁾ sư tiến hành đại trùng tu, chùa trở thành một đại chiêu đề. Thời gian này, sư cùng cư sĩ Lê Đình Thám vận động thành lập An Nam Phật học hội, khơi dậy phong trào chấn hưng Phật giáo, xuất bản báo *Viên âm*, mở Phật học đường đào tạo tăng tài. Sư viên tịch ngày 17/11/1936, pháp đệ là Mật Tín kế thế trú trì, nhưng chỉ được hai năm cũng nổi gót thầy tây quy (1938), pháp tự là Mật Hiển nối tiếp cho đến năm 1992... Trong phong trào chấn hưng Phật giáo nửa đầu thế kỷ XIX, chùa Trúc Lâm được chọn làm nơi mở trường đào tạo tăng tài của An Nam Phật học hội, bác sĩ Lê Đình Thám cũng như sư Giác Tiên đều ở trong ban giảng huấn... Năm 1994, chùa được làm lại mới như hiện nay, giữ lại bộ tuồng gỗ cũ nhưng nâng cột cao lên, thêm ngôi tiền đường xi măng cốt sắt. Khuôn viên rộng khoảng 30.000m², nằm khuất trong vùng “lâm lộc” xanh tốt um tùm với các loài cây thông, sến... Cổng vào khá đồ sộ, sân đức. Các kiến trúc bố trí theo hình chữ 卐 khẩu truyền thống. Mặt trước, quay về hướng đông nam, chính điện thờ Phật, hậu điện thờ Tổ. Mặt sau có thiên thất, bên trái là nhà khách, bên phải là nhà tăng. Tiền đường kiểu trùng lương trùng thiềm, nóc trang trí hai con rồng ở hai đầu quay lại châu pháp luân ở giữa; nóc quyết đắp giao cù.

Cho đến nay, chùa Trúc Lâm chỉ mới trải qua hơn một thế kỷ nhưng các vị trú trì như Giác Tiên (1880 - 1936), Mật Tín (? - 1938), Mật Hiển (1907 - 1992), cùng các pháp đệ như Mật Thể, Mật Nguyên và các đệ tử của chùa từng gắn bó chặt chẽ với tình hình đạo pháp và dân tộc đương thời. Chùa lại bảo quản được một số di vật cổ, như lư hương sứ niên hiệu Chính Hòa (1680-1704) của chùa Bảo Sơn ở Bắc Ninh, tiểu tượng Thạch Liêm và bình bát chu sa, muống gỗ của sư thỉnh từ chùa Khánh Vân (Lữ Bảo) về, đặc biệt là bức kinh Kim cương thêu gấm của chùa Thầy (Sơn Tây) cuối thế kỷ XVIII...

Văn bia tại chùa Trúc Lâm đều là bia tháp mộ của các thiền sư.

Văn bia tháp mộ các thiền sư

1. Văn bia tháp mộ ngài Giác Tiên

Dịch nghĩa:

**Bài ghi và minh về hòa thượng Trừng Thành Chí Thông Giác Tiên,
khai sơn chùa Trúc Lâm Đại Thánh và Đại đạo sư chứng minh
sáng lập Hội An Nam Phật học**

Sư Giác Tiên là đại sư đời thứ bốn mươi hai dòng Lâm Tế chính tông. Sư vốn họ Nguyễn,⁽³⁾ nguyên quán ở xã Dã Lê Thượng,⁽⁴⁾ huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên, chào đời năm Canh Thìn, Tỵ Đức thứ 33 [1880]; năm Giáp Ngọ, Thành Thái



Bia tháp mộ sư Giác Tiên,
được khắc dựng lại sau năm 1968.



Mặt sau bia mộ sư Giác Tiên.

thứ 6 [1894], sau khi cha mẹ đều cùng mất, sư cảm nhận việc đời không thường, nhân xem giới đàn ở chùa Báo Quốc, bỗng nhiên có ý định thoát khỏi trần ai, bèn đến chùa Từ Hiếu lạy xin theo hòa thượng Tâm Tịnh, liền được xuống tóc.⁽⁵⁾ Sư căn tính lanh lợi, hiểu sâu kinh luật, nhiều phen muốn dựng am trên núi Dương Xuân tu hành, nhưng chưa được. Bà Tỳ kheo họ Hồ pháp danh Thanh Linh, hiệu Diên Trường, tán dương ý chí ấy của sư, nên dựng chùa Trúc Lâm, mời sư về làm tọa chủ khai sơn. Từ đó, tâm thiền trọn đủ, mưa pháp rộng ban. Sau lại gặp hòa thượng Vĩnh Gia chùa Phước Lâm mở đại giới đàn, sư bèn chịu giới Cụ Túc, bảy giờ đã gần hai mươi tám tuổi.⁽⁶⁾ Tiếp theo, sư tập hợp mọi người, giảng học ở chùa Thiên Hưng, tăng ni đại chúng đều thấm nhuần lợi ích. Sư được hòa thượng Tâm Tịnh trao pháp với bài kệ:⁽⁷⁾

Hiểu đạo trước sau đồng,
Con thuyền Bát nhã không.
Quả nhân đều ứng hợp,
Đâu chốn chẳng thông dong.

Y bát cửa thiền, giống dòng bậc thánh, điều gì sư cũng có thể giảng giải được.⁽⁸⁾ Năm Giáp Tý niên hiệu Khải Định [1924], sư tập hợp bạn bè đồng đạo dựng giới đàn ở chùa Từ Hiếu, mời hòa thượng Tâm Tịnh truyền giới Tỳ Ni, giáo hóa phương xa, rưới nước cành dương ngọt lành đến tận cõi tây. Năm Ất Sửu, Khải Định thứ 9 [1925], sư tập hợp đông đảo tăng nhân ở chùa Tường Vân, chín tuần vào hạ, đủ hạnh tròn công, tu đều phúc tuệ, lợi cho cả mình lẫn người. Mỗi giềng của đức Phật, rường cột của cửa Thiền, ấy là sư vậy thay! Hàng ngày, sư thường tham cứu một câu kệ rằng:

Các pháp cùng chung gốc,
Thường do tướng mất đi.

Bảo Đại năm đầu [1926], sư được chỉ chuẩn cho làm trú trì chùa Diệu Đế. Năm Bảo Đại thứ 6 [1931], sư sùng tu chùa Trúc Lâm, điện Phật, nhà tăng một phen đổi mới huy hoàng. Sư noi theo hạnh của đức Phổ Hiền,⁽⁹⁾ một lòng muốn cứu độ hết thảy chúng sinh, bèn mời hòa thượng Phước Huệ về ở chùa Trúc Lâm mở lớp giảng kinh, gắng sức giúp mọi người tỉnh giấc mộng trần. Chẳng bao lâu, thiện nam tín nữ phát tâm bồ đề nhóm họp lại như mây, khiến nguyện vọng của sư càng sâu rộng lớn lao. Do đó, Hội Phật học sớm khởi xướng mà chiều đã hình thành; tiếp theo, các trường đại học, tiểu học lần lượt ra đời. Sự phát triển của Hội An Nam Phật học chúng ta chính là niềm mơ ước của thầy ta. Ngày mùng 2 tháng Mười năm Bảo Đại thứ 11 [15/11/1936], sư tập hợp các đệ tử tụng kinh Bảo đàn, đến phẩm Bát nhã, liền đem sự nghiệp Phật pháp dẫn dò lại. Qua ngày mùng 4 [17/11/1936], sư bỗng rũ bỏ trần duyên, thân nhiên viên tịch, thọ 57 tuổi đời, 29 tuổi đạo, tháp dựng kề bên tả chùa. Bát nhã tâm kinh nói: “Rời xa mộng tưởng, đến cõi niết bàn”. Đúng thay! Nếu cõi pháp không có sống chết, thì cơ duyên giác ngộ nương tựa vào đâu? Nay lấy chỗ suy nghĩ nông cạn của mình để làm bài kệ, bài tụng khắc bia gắn vào tháp; cửa chùa có người thừa kế, đâu phải chẳng ai đảm đương, duy trì được ư? Gương hạnh không bị mài mòn, đâu phải chỉ có vàng đá mà thôi! Đạo phong cao cả diệu kỳ, pháp độ cao xa trọn vẹn như thầy ta, người đời sau nên suy nghĩ để truyền bá, cho nên mới biên soạn sự tích lần lượt như trên, ngõ hầu cuộc đời trần thế và nhân duyên vào đạo của sư đều còn mãi với bia đá, ước nguyện ánh sáng Phật ngày càng rạng rỡ hơn vậy. Minh rằng:

Hương Bình hun đúc, sinh Phật xuống đây.
Tuổi thơ ngộ đạo, tục lụy không lây.
Bỏ thân truyền pháp, thiền nghiệp dựng xây.
Tiếng chuông vang vọng, thức kẻ mê ngây.
Tăng đồ lớp lớp, sư đã chỉ bày.
Mịt mù đêm tối, đốt đuốc trao tay.
Mênh mang bờ bến, dẫn lối lên ngay.
Hoa đàm một đóa, kinh điển chất đầy.
Cõi trần dù đổi, non đạo khôn lay.
Bia này rạng rỡ, xưng tụng mãi thầy...

Ngày Phật thành đạo tháng Chạp năm Đinh Sửu, Hoàng triều Bảo Đại thứ 12 [9/1/1937].

Nguyễn Đình Hòe, Hội trưởng Hội An Nam Phật học, chức Hiệp tá Đại học sĩ, cùng bản hội kính lập.

Trú trì hiện nay là Thích Mật Hiền⁽¹⁰⁾ chợt gặp biến cố Mậu Thân [1968],⁽¹¹⁾ bia cũ bị hư nát, theo bia cũ khắc lại bài chí và minh như trước, cung kính dựng đề đời sau khỏi mất dấu vết.

2. Bài văn bia tháp mộ sư Mật Khế

Dịch nghĩa:

[Mật trước]

Bài ghi và minh tháp mộ ngài Tâm Địa Mật Khế, đường thượng tỳ kheo chùa sắc tứ Trúc Lâm Đại Thánh, sung chức Giảng sư Hội Phật học



Bia tháp mộ sư Mật Khế, do Tâm Minh Lê Đình Thám soạn năm 1935.

Phật pháp thật nhiệm mầu,
Tùy phương giảng cạn sâu.
Khi nào ngộ ý chỉ,
Có nói bao giờ đâu!

Như vậy là “Pháp nhiệm mầu thì lìa khỏi lời nói, còn lời nói thì lìa khỏi tên gọi”.⁽¹²⁾ Hình tượng không nhơ, không sạch, không đứt, không liền, vốn từ chỗ “không sinh” cho nên mới có cảm. Hiểu thấu đáo ý chỉ ấy, hẳn chỉ có một mình Giảng sư của Hội Phật học là Thích Mật Khế mà thôi! Giảng sư pháp danh Tâm Địa, hiệu Mật Khế, người họ Lê ở xã Thần Phù, huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên.⁽¹³⁾ Hình hài chẳng thật, hề chi khác cõi phồn hoa; danh tướng vốn không, sá kể chẳng dòng sang quý. Sinh thường trí tuệ, tiếng anh tài đã nổi lúc còn thơ; trông chắc thiện căn, chí xuất thế từng ươm ngày lên chín. Nhân duyên dày dặn, được nhập môn chùa Trúc Lâm với đại sư chứng minh Giác Tiên; kinh luận rõ ràng, thụ Cụ Túc chùa Tây Thiên với hòa thượng Đường đầu Tâm Tịnh.⁽¹⁴⁾ Ý nguyện giúp đời, làm được ít dám đâu yên dạ; ước mong truyền đạo, học thêm nhiều tìm hỏi khắp nơi. Mấy phen chốn Thiên Hưng, Thập Tháp, trau dồi đức hạnh lẫn văn chương; bao thừa nơi Thuận Hóa, Quảng Nam, dạy bảo sa môn cùng cư sĩ. Đọc lướt hiểu ngay, mới biết túc căn dày dặn; nghĩa sâu lời dễ, hẳn rằng giáo tạng suốt thông. Tỳ ni⁽¹⁵⁾ nghiêm túc, hạnh và giải⁽¹⁶⁾ đều hợp nhau; Bát nhã vẹn toàn, đạo và đời không ngăn cách. Hội Phật học nhiều phen thuyết pháp, ai nấy nghiêng lòng; chùa Vạn Phước một đạo giảng kinh,

cửa thiền khởi sắc. Mùa thu năm Giáp Tuất [1934], Giảng sư vâng ý chỉ của đức Từ Cung Đoan Huy Hoàng thái hậu⁽¹⁷⁾ mời, mở lớp giảng A Di Đà số sao, làm sáng tỏ ý nghĩa “duy tâm Tịnh độ” là cõi Cực Lạc. Hiểu được “Nhu Lai tạng”⁽¹⁸⁾ có cái “giác mà không giác”; chỉ ra “Đà na hậu”⁽¹⁹⁾ chứa cái “chân mà chẳng chân”, nên thành miền diệu hữu.⁽²⁰⁾ Giả tâm giả cảnh, gọi tính tức là không; chẳng lại chẳng đi, giữ hình chi vô ích. Năm Bảo Đại thứ 10 [1935], sư vừa đúng ba mươi một tuổi, trong khi ốm, được thầy Giác Tiên trao pháp với bài kệ:

Tâm sáng bao gồm tính vẹn nguyên,
Trời Nam rạng ý tổ Tây truyền.
Tào Khê tỏ ngộ trong giây phút,
Mấy chục năm qua trút muộn phiền.

Giờ Mão ngày Phật Đản năm ấy,⁽²¹⁾ Giảng sư viên tịch. Ôi! Phật pháp khó bề hưng thịnh như thế thì thật là quá mức rồi! Thế giới thiếu gì cơm cháo mà tuổi thọ của sư như ngài Thích Mật Khế sao ngắn ngủi như vậy ư? Hỡi ôi! Giảng sư giới đức thuần chân, tuệ căn tuyệt thế. Ngay cả khi sinh hoạt bình thường cũng không bỏ Di Đà tự tính; dù lúc nói năng bất chợt cũng vẫn mang diệu chỉ Đại thừa. Giảng truyền tính pháp giới, hết lòng hoằng bá nghĩa đầu tiên; giữ vững tâm bồ đề, nhờ sức lập thành Hội Phật học. Cối vui hẹn ước, ao sen có lúc hóa sinh; đất nhẵn xót thương, người cũ bao giờ tái ngộ? Những thành viên trong Hội Phật học: thật dạ từ bi, vui lòng hộ pháp; thương cho cái hư không của cõi thế, nghĩ đến chỗ tai mắt của người đời. Đặc biệt sai tôi ghi chép công đức phát huy đạo pháp của Giảng sư cho thế hệ mai sau biết. Tôi không tự lượng sức mình, bèn có bài văn kể về hành trạng của sư trên đây và bài minh như sau:

Thân phàm chẳng có, tâm tính vốn không.
Này đây cứu cánh, tâm suốt thuyết thông.
Y sư bậc ấy, thấy biết trọn đồng.
Cứu đời thuốc quý, trị dứt mê mông.
Thương xót chúng sinh, ba đường giác ngộ.
Chợt vạch mây mờ, cho mưa pháp đổ.
Gồm đủ nhân duyên, giúp người chưa ngộ.
Công đức rõ ràng, lặng trong yên chỗ.

Ngày vui của Phật, tháng Bảy năm Ất Hợi triều vua Bảo Đại [1935].⁽²²⁾

Đã duyệt: Thích Giác Nhiên, Đại đạo sư chứng minh của Hội Phật học.

Kính soạn: Tâm Minh Lê Đình Thám, Phó Hội trưởng Hội Phật học.

Kính dựng bia: Hội Phật học.

[Mặt sau]

Tất Đạt ra đời cùng buổi ấy,
Nhan Hôi vẫn số xót người kia.

Bình Nam Nguyễn Khoa Tân kính đề, lại có một bài thơ Quốc ngữ (xem phần nguyên văn).

Ngày Thành Đạo năm 2562 Phật Tổ giáng sinh.⁽²³⁾

3. Văn bia tháp mộ sư Mật Nguyễn

Dịch nghĩa:

Sơ lược về hành trạng của pháp sư Mật Nguyễn

Pháp sư họ Trần, tên ngoài đời là Quốc Lộc, pháp danh Tâm Như, pháp hiệu Mật Nguyễn, thuộc thế hệ thứ 43 dòng Lâm Tế; nguyên quán xã Phú Xuân, huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, sinh giờ Thìn ngày 25 tháng Sáu năm Tân Hợi, tức ngày 19/8/1911. Cha Trần Quốc Lễ, mẹ Nguyễn Thị Hoàng đều là những Phật tử thuần thành. Thừa kế, pháp sư vốn tính hỷ xả,⁽²⁴⁾ lại theo cái học mới,⁽²⁵⁾ nhưng chịu ảnh hưởng sâu sắc tín ngưỡng của gia đình, sớm nhận thức được lẽ vô thường. Đến năm 1926, mới 15 tuổi, sư đồng chân phát tâm xuất gia, xin lạy hòa thượng Giác Tiên khai sơn chùa Trúc Lâm Đại Thánh làm thầy. Từ đó, tuy phải chịu nhiều khó khăn vất vả, nhưng chí khí càng bền, hạnh nguyện càng vững; hòa thượng bốn sư xét rõ, bền cho thụ giới Sa Di năm 1929. Sau khi thâm nhuần giới pháp, sư tiến bộ càng chóng, được ghi tên tốt nghiệp hạng ưu lớp trung đẳng của Viện Phật học. Hòa thượng bốn sư liền cho theo học bậc cao đẳng Trường Việt Nam Phật giáo Nghĩa học của hòa thượng Phước Huệ chùa Thập Tháp Di Đà khóa đầu tiên. Chẳng bao lâu, Tổng hội Phật học⁽²⁶⁾ được thành lập, sư nhận chức Giảng sư của hội. Những Giảng sư nổi tiếng hồi ấy đầy đủ các sư Đôn Hậu, Trí Thủ, Mật Hiền, Mật Khế, Mật Thể... và cư sĩ Tâm Minh, người sáng lập Tổng hội Phật học, đều là anh em trong tông phái của sư cả. Trên dải đất Trung Bộ từ bắc vào nam, không đâu không có dấu chân của sư. Nói năng lưu loát, văn chương cũng hay, báo chí Phật giáo không tờ nào không có bài viết của sư. Lòng người quay về với đạo Phật, đạo đức dân tộc nhờ đó mà phục hưng. Công lao, thành quả ấy, sư đóng góp một phần lớn. Năm 28 tuổi, trí tuệ cùng uy nghi của sư đều tăng tiến theo tuổi tác, nên được thụ đại giới, hòa thượng bốn sư phó pháp với bài kệ:

Tâm pháp thấy chân như,
Vô sinh: hạnh ấy từ.
Lẽ kia mà hiểu thấu,
Mọi niệm đạt “vô dư”.



Bia tháp mộ sư Mạt Nguyễn.

biến thân tâm và hoàn cảnh, ngõ hầu báo đáp hồng ân của Tam bảo và phụng sự đạo pháp”. Trong mùa pháp nạn năm 1966, sư càng đem hết sức tàn của mình [để đấu tranh]. Nhưng điều thu hút tâm chí của sư nhất là đào tạo tăng tài, bồi dưỡng tăng đức, cho nên năm 1967, sư đặc biệt tổ chức lớp học chuyên khoa nội điển Liễu Quán tại ngôi chùa cổ Linh Quang; các học viên ra trường đều giữ các chức vụ đạo pháp khắp nơi. Năm 1968, sư là Chánh đại diện miền Vạn Hạnh, sau đó dốc hết sức vào việc hun đúc tăng tài, vun bồi ni đức, mở mang văn hóa Phật giáo và công tác từ thiện.

Sư còn hết lòng vận động hòa bình; trong lời phát biểu, sư có nói: “Phật tử chúng ta nên vận dụng sức mạnh của lòng từ bi và trí tuệ, quyết chí xây dựng đất nước không phải thành một đất nước mạnh về võ bị, mà là một đất nước yêu chuộng hòa bình; mọi người sống biết giúp đỡ nhau, khuyên bảo nhau biết tự đủ và vươn lên. Tôi tin rằng như thế thì bạo lực không có chỗ thi thố”. Năm 1971, trong Đại hội Phật giáo cổ đô Huế, sư đọc diễn văn khai mạc, có đoạn nói: “Dù ngày mai đây, hoàn cảnh có thay đổi ra sao, truyền thống dũng cảm oanh liệt vốn có của tín đồ Phật giáo cổ đô, đối với đạo pháp và dân tộc, vẫn không thay đổi “cái tính hư không dù diệt mất, tấm lòng bền chắc chẳng lung lay”, đó là tâm nguyện của chúng ta vậy”. Suốt cuộc đời giảng dạy học trò, sư chỉ nhắc nhở hai điều: hòa hợp và phục vụ. Sở trường lãnh đạo của sư là hỷ và xả. Cho nên hòa hợp đưa đến đoàn kết, mọi người ai cũng vui lòng. Khi bệnh cũ tái phát, sư cũng không nghỉ ngơi để chữa trị. Giờ Thìn ngày 18/8/1972,⁽²⁸⁾ sư an nhiên thị tịch, hưởng thọ 62 tuổi. Viện Tăng

Sau khi thụ giới Cụ Túc, sư được đề cử làm thầy giáo lớp trung đẳng của Viện Phật học. Năm 1946, sư trú trì ngôi chùa cổ Linh Quang; năm 1951, làm Trị sự trưởng Hội Tăng già Cổ đô; năm 1959, lại làm Trị sự phó Hội Tăng già Việt Nam; năm 1960, trùng tu ngôi chùa cổ Linh Quang, năm sau, mở giới đàn lớn ở đây. Năm 1963, sư cùng tham gia lãnh đạo tín đồ Phật giáo đấu tranh chống lại và lật đổ chế độ Ngô Đình. Năm 1964, Giáo hội Phật giáo Thống nhất được thành lập, sư làm Phó đại diện miền Vạn Hạnh⁽²⁷⁾ kiêm Chánh đại diện tại cổ đô Huế. Năm 1965, mở đại giới đàn tại chùa Từ Hiếu; trong bài diễn văn khai mạc, sư có nói: “Ở thời đại đau thương của đất nước hiện nay, các giới tử hãy trọn đời kiên trì giới luật để cải

thống Phật giáo đặc biệt truy phong tôn vị hòa thượng. Sư sinh ra vì đạo pháp, vì con người mà sinh; sư mất đi cũng vì đạo pháp, vì con người mà mất. Hình hài của sư tuy tiêu tan, nhưng đạo đức của sư vẫn còn mãi, đáng gọi là bậc hào kiệt trung lương trong đạo Phật vậy.

Ngày tốt năm Đinh Tỵ, Phật lịch 2520 [Dương lịch 1977].

Anh em đồng đạo và học trò kính ghi.

CHÚ THÍCH

- (1) Xem văn bia chùa Phổ Quang.
- (2) Theo Hà Xuân Liêm. Chúng tôi không rõ xuất thân của tín nữ này, phải chăng cũng trong họ Hồ làng Chuồn?
- (3) Không có tài liệu nào cho biết thế danh của sư là gì, con nhà ai.
- (4) Dã Lê Thượng: âm địa phương đọc thành Gia Lê Thượng, một xã thành lập khoảng cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, thờ Tiền quân Nguyễn Văn Thành như một tiền hiền có công giúp dân khai khẩn đất hoang. Nay thuộc phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- (5) Năm này, sư tròn 15 tuổi, sáu năm sau, năm Thành Thái thứ 12 [1900], sư được thụ Sa Di giới. Năm 1903, hòa thượng Tâm Tịnh rời chùa Từ Hiếu ra dựng am Thiếu Thất (sau là chùa Tây Thiên), sư đi theo hầu thầy.
- (6) Nhằm năm Duy Tân thứ 4 (1910).
- (7) Hà Xuân Liêm viết: Năm Khải Định nguyên niên (1916), ngài 37 tuổi, được hòa thượng Tâm Tịnh phó pháp và cho bài kệ... (*Những chùa và tháp Phật giáo ở Huế*, sđd, tr 476).
- (8) Cũng theo Hà Xuân Liêm: Vào năm Khải Định thứ năm (1920), ngài Huệ Pháp ở chùa Thiên Hưng mở giảng đường để chỉ dạy kinh điển cho các tỳ kheo, tỳ kheo ni theo học, ngài đã thấy tỳ kheo Giác Tiên là bậc túc căn thâm hậu, về sau có đủ sức xiển dương Phật pháp cho đàn hậu tấn. Quả vậy, các đệ tử của ngài Giác Tiên như giảng sư Mật Khế, pháp sư Mật Thể, hòa thượng Mật Nguyên và hòa thượng Mật Hiển là những vị cao tăng rất nổi tiếng sau này (*Những chùa và tháp Phật giáo ở Huế*, sđd, tr 476). Như thế thì đoạn trên nói “sư tập hợp mọi người, giảng học ở chùa Thiên Hưng, tăng ni đại chúng đều thấm nhuần lợi ích” là cần phải xác minh lại.
- (9) Phổ Hiền là dịch nghĩa theo tiếng Phạn *Samantabhadra* (Samanta: phổ, rộng khắp; bhadra: hiền), một vị Bồ tát đại đệ tử của Phật Thích Ca, thường được thờ bên phải đức Phật (bên trái là Văn Thù - Mânju). Phổ Hiền có lập 10 điều nguyện: 1. Kính lễ chư Phật, 2. Xưng tán Như lai, 3. Quảng tu cúng dường, 4. Sám hối nghiệp chướng, 5. Tùy hỷ công đức, 6. Thỉnh chuyển pháp luân, 7. Thỉnh Phật trụ thế, 8. Thường tùy Phật học, 9. Hằng thuận chúng sinh, 10. Phổ giai hồi hướng.
- (10) Mật Hiển: thế danh Nguyễn Duy Quảng, pháp húy Tâm Hương, pháp hiệu Mật Hiển, sinh ngày 4/02/1908 (có tài liệu ghi ngày 01/02/1907), cũng người làng Dã Lê Thượng, trong một gia đình có truyền thống Phật giáo, cha là Nguyễn Duy Bút, mẹ là Nguyễn Thị Trang. Sư đồng chân nhập đạo từ lúc bảy tuổi với hòa thượng Giác Tiên chùa Trúc Lâm; sau bảy năm, được thầy cho vào Đại Nội cùng học với các ông hoàng nhà Nguyễn, nhưng qua một năm, chán thấy cảnh phú quý, sư xin trở về chùa. Năm 1922, sư thụ Sa Di giới, năm 1927

vào tổ đình Thập Tháp ở Bình Định học đạo với hòa thượng Phước Tuệ, chuyên về Mật giáo. Năm 1932, sư về Huế, theo học tại Phật học đường Tây Thiên, rồi năm 1935 thụ Cụ Túc giới tại giới đàn Phước Lâm (Bình Định) do sư Phước Tuệ làm Đàn đầu hòa thượng; sau đó, được bốn sư phó pháp. Đến năm 1938, tông môn cung thỉnh trú trì chùa Trúc Lâm, và năm 1939, Bộ Lễ cử sung tăng cang chùa Thánh Duyên ở núi Thúy Vân. Năm 1947, hòa thượng Phước Hậu viên tịch, sư được Giáo hội Tăng già Trung Việt cử vào Ban Quản trị tổ đình Báo Quốc gồm ba hòa thượng. Sau năm 1963, sung Trị sự trưởng Giáo hội Tăng già Trung Việt, thường đi ra nước ngoài tham quan hay dự lễ. Trong thời gian pháp nạn từ năm 1963, sư tích cực tham gia phong trào đấu tranh chống chế độ Ngô Đình Diệm. Sư viên tịch đúng vào ngày lễ Phật Đản 15 tháng tư năm Nhâm Thân (14/5/1992).

- (11) Dòng này được khắc thêm, người Việt có chỗ nói theo ngữ pháp Việt mà quên mất ngữ pháp Hán, “biến cố Mậu Thân” đáng lẽ là “Mậu Thân biến cố”.
- (12) Tư tưởng này của Phật giáo gần giống Lão giáo, không tin vào khả năng của ngôn ngữ. Bởi thế, Đức Thích Ca Mâu Ni mới bảo: “Suốt bốn mươi chín năm, ta chưa từng nói một lời”. Có một hình ảnh rất hay, ví ngôn ngữ như ngón tay chỉ mặt trăng, khi đã thấy mặt trăng rồi thì thôi, chớ vướng mắc gì về ngôn ngữ. Bởi thế, vị Tổ thiên học mới chủ trương “Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự; trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật”.
- (13) Xã Thần Phù: nay thuộc xã Thủy Lương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Xã này hình thành đầu thời Hậu Lê, do tướng sĩ nhà Minh bị bắt và đầu hàng, được Lê Thái Tổ cho vào chăn ngựa và khai mỏ sắt.
- (14) Sư sinh năm 1904. Mới lên chín, sư đồng chân nhập đạo, lễ hòa thượng Giác Tiên làm thầy; đến năm 19 tuổi (1923), sư thụ Cụ Túc giới với hòa thượng Tâm Tịnh chùa Tây Thiên.
- (15) Tỳ ni: tức Tỳ ni tạng, hay Tỳ nại đa tạng (vinaya pitaka), thường gọi là Luật tạng, một trong ba tạng (kinh, luật, luận), bao gồm phép tắc, nghi thức do đức Như Lai đặt ra và truyền dạy rồi được ghi chép lại, người tu hành phải học hết và theo giữ cho đúng.
- (16) Hạnh và giải: nguyên văn có thể đọc “hạnh giải”, hiểu là hạnh và giải, tính nét phẩm chất tốt đẹp và sự hiểu biết đi đôi với nhau, càng hiểu biết nhiều thì nét tốt càng tăng tiến; cũng có thể đọc “hành giải”, hiểu là việc làm và kiến thức, làm và hiểu đi đôi với nhau, học được gì thì đem ra mà làm như thế.
- (17) Đoan Huy Hoàng thái hậu: mẹ của Bảo Đại, vợ của vua Khải Định, húy Hoàng Thị Cúc.
- (18) Như Lai tạng: chân như ở trong phiền não (thể tính của các pháp là lìa xa hư vọng, thường trụ, không biến không đổi, gọi là chân như). Từ “tạng” có các nghĩa: 1. Nơi chứa đựng, thu góp, nhà kho; 2. Thu giấu, che kín đi; 3. Có khả năng nuôi dưỡng; 4. Tất cả những gì do đức Phật Như Lai nói ra.
- (19) Đà na hậu: sau khi cho. Đà na còn gọi là đàn, đàn na, dịch âm tiến Phạn *dāna*, dịch nghĩa là bố thí, ban cho một cách rộng rãi.
- (20) Diệu hữu: cái có mà không phải là có (đối với chân không, là cái không mà không phải là không). *Nghiệp sở tế duyên ký*: “Biết đó là cái diệu hữu thì một cái lòng tơ cũng chẳng lập, còn cái chân không là do nhân quả dẫn tới như vậy” (TĐPHHV, tr. 310).
- (21) Ngày Phật Đản năm ấy: tức ngày mùng 8 tháng Tư năm Ất Hợi, Bảo Đại 10, Dương lịch ngày 10/5/1935. Theo *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, sư viên tịch ngay khi thầy trao kệ phó pháp: “Trong khi An Nam Phật học hội và chư sơn môn hiệp đồng tổ chức lễ Đản sanh rất lớn tại chùa Diệu Đế, có cả Tam cung và vua Bảo Đại đến dự; thì tại chùa Trúc Lâm, hòa thượng Giác Tiên - không đến dự lễ ở Diệu Đế - đang ngồi bên cạnh giảng sư, người đệ tử thân

- yêu của ngài sắp tịch, viết 4 câu kệ phó pháp (...). Viết kệ xong, bốn sư trao cho đệ tử; đọc bài kệ do bốn sư phó pháp, hòa thượng Mật Khế thanh tịnh đắc pháp và lạng lẽ viên tịch". (Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm, *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, sđd, tr. 424-425).
- (22) Ngày vui của Phật: nguyên văn "Phật hoan hỷ nhật", tức là ngày Đức Thích Ca Mâu Ni giác ngộ, ngày thành đạo dưới gốc cây bồ đề, trùng với ngày hội Vu Lan Bồn. Âm lịch ngày 15 tháng Bảy năm Ất Hợi, Dương lịch ngày 13/8/1935.
- (23) Niên điểm này có vẻ không chính xác. Như ta đã biết (xem chú thích ở văn bia chùa Thiên Mụ), niên điểm Phật đản sinh có nhiều thuyết, năm 566 TCN, 564 TCN, 544 TCN, như vậy, đến năm 1935 thì Phật lịch phải là 2500 hay 2498, hay 2479.
- (24) Hỷ xả: bao gồm hỷ và xả. Hỷ là vui, mừng (hoan, lạc), nhưng không phải vui mừng thông thường, mà là vui mừng của một cái tâm yên ổn vì hiểu được đạo. Xả là bỏ, bỏ thân mình để đi tìm đạo như Tất Đạt Đa (Thích Ca Mâu Ni), bỏ của cải để hoằng dương đạo như Tu Đạt Đa (Cấp Cô Độc). Nói chung hỷ xả là vì đạo pháp.
- (25) Cái học mới: "tân học", từ phổ biến thời gian đầu thế kỷ XX, để chỉ cái học theo phương pháp Tây phương, dùng chữ Quốc ngữ và chữ Pháp với nhiều bộ môn mà ngày xưa không có như toán pháp, cách trí, khoa học thường thức, sử ký, địa dư..., lại có cả thể dục, thay cho chữ Hán của người học theo lối cũ (cựu học, cái học "đàng cựu" thuần về văn chương chữ nghĩa).
- (26) Tổng hội Phật học: chính xác là An Nam Phật học hội.
- (27) Miền Vạn Hạnh: Phật giáo miền Nam đương thời chia thành từng khu vực để tổ chức hoạt động và phối hợp với nhau, gọi là miền.
- (28) Giờ Thìn ngày mồng 10 tháng Bảy năm Nhâm Tý, chính xác là 09 giờ 30 ngày 18/8/1972. Sư tịch tại chùa Linh Quang; lễ di quan nhập tháp cử hành lúc 11 giờ ngày 25/8/1972. Giáo chỉ truy phong Hòa thượng tôn vị do Tăng thống Thích Tịnh Khiết ký tại Sài Gòn ngày 20/8/1972.

PHỤ LỤC

1. Văn bia tháp mộ ngài Giác Tiên

Nguyên văn:

開山竹林大聖寺創立安南佛學會
證明大師澄誠至通覺先和尚誌銘

覺先和尚臨濟正宗四十二世之大師也本姓阮原籍承天府香水縣野梨上社以嗣德三十三庚辰落塵成泰六年甲午怙侍雙喪師感世事無常因睹報國寺戒壇飄然有出塵之志遂招慈孝寺禮心淨和尚爰即薙染師根性通利經律諳詳屢欲揚春山結庵寺修而未竟毘丘尼胡氏法名清玲號延長嘉其志為建竹林寺請師為開山座主於是禪心圓顯法雨弘開嗣遇廣南省福林寺永嘉和尚開大戒壇師登壇受具時年僅二十八繼而集眾講學于天興寺僧尼大眾利益潭霑求心淨和尚妙契付法偈云

覺道劫空先 果因符行解
空空般若船 處處即安然

佛門衣鉢聖種紹隆師復何可解啓定甲子年集禪門法侶建戒壇于慈孝寺請心淨和尚傳受毘尼行化遠邇洒楊枝水甘被四天暨啓定九年乙丑大集禪和於祥雲寺九旬結界行滿功圓福慧雙修自他兼利佛祖之幹絲禪門之樑棟師哉師哉日常參一偈云

諸法從本來
常自寂滅相

保大元年蒙旨準為妙諦寺住持保大六年崇修竹林寺殿宇佛堂僧舍煥然一新而師是行普賢是心願度一切爰請福慧和尚卓錫竹林寺開壇講經力覺群夢剎那間善男信女發菩提心者雲集以願力弘偉故佛學會朝唱而暮成繼則大小諸學堂亦於焉創始我安南佛學之橫張惟吾師是願於保大十一年十月初二日召請弟子誦寶壇經至般若品付囑佛法家業往初四日忽捨世緣悠然圓寂世壽五十七夏臘二十九建塔于寺傍之左般若心經云遠離夢想究竟涅槃信哉法界無生死於何有覺緣茲滴塵慮奚粘塔之碑之偈頌之法門有繼能無繫之籠之乎行鏡不磨能無金之石之乎道風高妙法度弘圓如我師者後人宜思所以闡揚而歷歷遺蹟撰次如左與世間相及入道因緣併壽于石惟願佛日培培曾輝焉耳銘曰

香屏靈毓爰誕佛僧	漫漫長夜師燭以燈
童年妙悟塵慮澄澄	茫茫彼岸惟師之登
捨身宣法禪業中興	曇花一集祕典千層
洪鐘雷吼群夢震矜	塵寰可轉道山不崩
僧徒濟濟惟師是乘	煌煌斯碣綿綿頌稱

皇朝保大十二年歲次丁丑臘月佛成道日

安南佛學會會長協佐大學士阮廷槐同本會奉立

現今住持釋密顯忽逢變故戊申破壞藏跡炤舊碑續誌銘如前再奉設立以明後世暨免失跡

Phiên âm:

**Khai sơn Trúc Lâm Đại Thánh tự, sáng lập An Nam Phật học hội,
Chứng minh đại đạo sư Trùng Thành Chí Thông Giác Tiên hòa thượng chí minh**

Giác Tiên hòa thượng, Lâm Tế chính tông tứ thập nhị thế chi đại sư dã. Sư bản tính Nguyễn, nguyên tịch Thừa Thiên phủ, Hương Thủy huyện, Dã Lê Thượng xã, dĩ Tự Đức tam thập tam Canh Thìn lạc trần; Thành Thái lục niên Giáp Ngọ, hổ thị song tang. Sư cảm thể sự vô thường, nhân đồ Báo Quốc tự giới đàn, phiêu nhiên hữu xuất trần chí chí. Toại chiêu Từ Hiếu tự, lễ Tâm Tịnh hòa thượng, viên tức thế nhiệm. Sư căn tính thông lợi, kinh luật am tường, lữ dục Dương Xuân sơn kết am tự tu nhi vị cánh. Tỳ kheo ni Hồ thị pháp danh Thanh Linh hiệu Diên Trường gia kỳ chí, vi kiến Trúc Lâm tự, thỉnh sư vi khai sơn tọa chủ. Ư thị thiền tâm viên hiển, pháp vũ hồng khai. Tự ngộ Quảng Nam tỉnh Phúc Lâm tự Vĩnh Gia hòa thượng khai đại giới đàn, sư đăng đàn thụ cụ. Thị niên căn nhị thập bát. Kế nhị tập chúng giảng học vu Thiên Hưng tự, tăng ni đại chúng lợi ích đàm triêm. Cầu Tâm Tịnh hòa thượng điều khế phó pháp. Kệ vãn:

Giác đạo kiếp không tiên,
Không không Bát nhã thuyền.
Quả nhân phù hạnh giải,
Xứ xứ tức an nhiên.

Phật môn y bát, thánh chủng thiệu long, sư phục hà khả giải. Khải Định Giáp Tý niên, tập thiền môn pháp lữ kiến giới đàn vu Từ Hiếu tự, thỉnh Tâm Tịnh hòa thượng truyền thụ Tỳ ni. Hạnh hóa viễn nhĩ, sái dương chi thủy cam bị tứ thiên. Kỵ Khải Định cửu niên Ất Sửu, đại tập thiền hòa ư Tường Vân tự, cửu tuần kết giới, hạnh mãn công viên, phúc tuệ song tu, tự tha kiêm lợi; Phật tổ chi cán ty, thiền môn chi lương đồng. Sư tai! Sư tai! Bình nhật thường tham nhất kệ vãn:

Chư pháp từng bản lai,
Thường tự tịch diệt tướng.

Bảo Đại nguyên niên, mộng chỉ chuẩn vi Diệu Đế tự trú trì. Bảo Đại lục niên, sùng tu Trúc Lâm tự, điện vũ, Phật đường, tăng xá hoán nhiên nhất tâm, nhi sư thị hạnh Phổ Hiền, thị tâm

nguyện độ nhất thiết. Viên thỉnh Phước Tuệ hòa thượng trác tích Trúc Lâm tự khai đàn giảng kinh, lực giác quần mộng. Sát na gian, thiện nam tín nữ phát bồ đề tâm giả vãng tập dĩ nguyện lực hoàng vĩ. Cổ Phật học hội triều xướng nhi mộ thành, kế tắc đại tiểu chư học đường diệc ư yên sáng thủy. Ngã An Nam Phật học chi hoành trương, duy ngô sư thị nguyện. Ư Bảo Đại thập nhất niên thập nguyệt sơ nhị nhật, triệu chư đệ tử tụng Bảo đàn kinh, chí Bát nhã phẩm, phó chúc Phật pháp, gia nghiệp. Vãng sơ tứ nhật, hốt xả thể duyên, du nhiên viên tịch, thể thọ ngũ thập thất, hạ lạc nhị thập cửu, kiến tháp vu tự bằng chi tả. Bát nhã tâm kinh vân: “Viễn ly mộng tưởng, cứu cánh niết bàn”. Tín tai! Pháp giới vô sinh tử, ư hà hữu giác duyên. Tự trích trần lự hề niêm tháp chi, bi chi, kệ chi, tụng chi. Pháp môn hữu kế, năng vô kinh chi, lung chi hồ. Hạnh kính bất ma, năng vô kim chi, thạch chi hồ. Đạo phong cao diệu, pháp độ hoàng viên như ngã sư giả, hậu nhân nghi tư sở dĩ xiển dương nhi lịch lịch di tích, soạn thứ như tả, dữ thể gian tướng cập nhập đạo nhân duyên tính thọ vu thạch. Duy nguyện Phật nhật bồi bồi tăng huy yên nhĩ. Minh viết:

Hương Bình linh dục, viên đản Phật tăng.

Đồng niên diệu ngộ, trần lự chứng trừng.

Xả thân tuyên pháp, thiên nghiệp trung hưng.

Hồng chung lời hồng, quần mộng chấn căng.

Tăng đồ tế tế, duy sư thị thăng.

Man man trường dạ, sư chúc dĩ đăng.

Mang mang bỉ ngạn, duy sư chi đăng.

Đàm hoa nhất tập, bí điển thiên tăng.

Trần hoàn khả chuyển, đạo sơn bất băng.

Hoàng hoàng tư kiệt, miên miên tụng xưng.

Hoàng triều Bảo Đại thập nhị niên, tuế thứ Đinh Sửu Lạp nguyệt Phật thành đạo nhật.

An Nam Phật học hội Hội trưởng, Hiệp tá Đại học sĩ Nguyễn Đình Hòe đồng bản hội phụng lập.

Hiện kim trú trì Thích Mật Hiền hốt phùng biến cố Mậu Thân, bi hoại tàng tích, chiếu cựu bi tục chí minh như tiền, tái phụng thiết lập dĩ minh hậu thế kị miễn thất tích.

2. Bài văn bia tháp mộ sư Mật Khế

Nguyên văn:

[前面]

敕賜竹林大聖寺堂上毘丘心地密契充佛學會講師塔誌銘

密深爲妙法契機方便說了悟宗旨時法法何曾說如是妙法離言說相離名相不垢不淨不斷不常本自無生寧應有感悟微斯旨其唯佛學會講師釋密契乎講師法名心地號密契承天府香水縣神符社黎族人也色身如幻何妨地異繁花名相本空豈論非權貴常生智慧英名早播于童年深種善根出家方屆天九歲因緣非淺受剃度於竹林寺覺先證明大師戒律精嚴進圓具於西天寺心淨堂頭和尚利生大願得少寧許苟安弘法深心遍處參學斯道幾度在天興十塔開悟於字裏行間有辰於順化廣南教演於沙門居士學半功倍逆知深厚夙根詞易義明何止貫通教藏毘尼嚴淨行解相應般若圓融理事無礙佛學堂多會番說法聽眾傾心萬福寺一年講經山門生色甲戌年師奉慈宮端徽皇太后旨召開講彌陀疏抄闡明唯心樂國顯如來藏之覺不覺伏自涅槃示陀那後之真非真圓成妙有幻芯幻境稱性即空不去不來守屍奚益保大十年講師年方三十一歲病中得法於本師覺先偈曰

心地光含法性圓

豁然直徹漕溪路

西來大意顯南天

免在靈平五十年

乃於此年佛慶誕日卯辰圓寂噫佛法難起如此其極世界不乏飯粥僧壽命何獨短於我講師釋密契哉嗚呼戒德純真慧根絕世平常日用不離自性彌陀無意說言都是大乘妙旨開示法界性第一義重得宣揚堅固菩提心佛學會賴以成立雖是樂邦有願蓮池自在化生可憐忍土少緣曇化何辰再睹佛學會同人慈悲願切護法心欣嘆世間之空虛念眾中之眼目持命余記講師法施功德以教未來余不量力爰有此舉述其行狀庶之系有銘曰

蘊身非有心性本空	哀恐眾生受三途苦
於斯究竟宗通說通	豁破迷雲普施法雨
有大醫師知見圓融	契理契機開示未悟
施靈妙藥療彼群蒙	功德昭彰湛然長住

皇朝保大十年歲次乙亥七月佛歡喜日

佛學會證明大道師釋覺然閱

佛學會副會長心明黎廷探和南恭撰

[後面]

悉達降生符此日

顏回短命慟斯人

屏南阮科賓和南

又有國語詩一首

Cơ duyên tan hợp khéo xoay mau,	Bực chơn vẽ rạng ngôi tăng bảo,
Ly chữa bao nhiêu đã biệt nhau.	Ngọn tháp đề cao phẩm giới châu.
Lay cả rừng thiên cơn gió thảm,	Vấn biết vô thường ai dễ khỏi,
Tròn riêng cõi tịch mảnh trăng thu.	Biết vô thường giọt lệ tràn bầu.

Trí Độ cư sĩ

Kỷ niệm

佛祖降生二千五百六十二年成道日

Phiên âm:

[Tiền diện]

**Sắc tứ Trúc Lâm Đại Thánh tự đường thượng tỳ kheo
Tâm Địa Mật Khế sung Phật học Hội Giảng sư tháp chí minh**

Mật thâm vi diệu pháp,
Khế cơ phương tiện thuyết.
Liễu ngộ tông chỉ thì,
Pháp pháp hà tăng thuyết.

Như thị diệu pháp ly ngôn, thuyết tướng ly danh. Tướng bất cấu, bất tịnh, bất đoạn, bất thường, bản tự vô sinh, ninh ưng hữu cảm. Ngộ vi tư chỉ, kỳ duy Phật học hội Giảng sư Thích Mật Khế hồ! Giảng sư pháp danh Tâm Địa, hiệu Mật Khế, Thừa Thiên phủ, Hương Thủy huyện, Thần Phù xã, Lê tộc nhân dã. Sắc thân như huyễn, hà phương địa dị phồn hoa; danh tướng bản không, khởi luận gia phi quyền quý. Thường sinh trí tuệ, anh danh tảo bá vu đồng niên; thâm chủng thiện căn, xuất gia phương giới thiên cửu tuế. Nhân duyên phi thiểu, thụ thể độ ư Trúc Lâm tự Giác Tiên Chứng minh đại sư; giới luật tinh thông, tiền viên cụ ư Tây Thiên tự Tâm Tịnh

Đường đầu hòa thượng. Lợi sinh đại nguyện, đặc thiếu ninh hứa cầu an; hoàng pháp thâm tâm, biến xứ tham học tư đạo. Kỳ độ tại Thiên Hưng, Thập Tháp, khai ngữ ư tự lý hành gian; hữu thời nhi Thuận Hóa, Quảng Nam, giáo diễn ư sa môn cư sĩ. Học bán công bội, nghịch tri thâm hậu túc căn; từ dị nghĩa minh, hà chỉ quán thông giáo tạng. Tỳ ni nghiêm tịnh, hạnh giải tương ưng; Bát nhã viên dung, lý sự vô ngại. Phật học hội đa phiên thuyết pháp, thánh chứng khuynh tâm; Vạn Phước tự nhất niên giảng kinh, sơn môn sinh sắc. Giáp Tuất thu, Giảng sư phụng Từ Cung Đoan Huy Hoàng thái hậu chỉ triệu khai giảng Di Đà số sao, xiển minh duy tâm Lạc quốc. Hiên Như Lai tạng chi giác bất giác, phục tự niết bàn; thị Đà Na hậu chi chân phi chân, viên thành diệu hữu. Huyền tâm huyền cảnh, xưng tính tức không; bất khứ bất lai, thủ thi hê ích. Bảo Đại thập niên, Giảng sư niên phương tam thập nhất tuế, bệnh trung đặc pháp ư bản sư Giác Tiên. Kệ viết:

Tâm địa quang hàm pháp tính viên,
Tây lai đại ý hiển Nam thiên.
Khoát nhiên trực triệt Tào Khê lộ,
Miễn tại linh bình ngũ thập niên.

Nãi ư thử niên, Phật khánh dẫn nhật, Mão thời viên tịch. Y! Phật pháp nan khởi như thử kỳ cực; thế giới bất pháp phạn chúc, tăng thọ mệnh hà độc đoản ư ngã Giảng sư Thích Mật Khế tại! Ô hô! Giảng sư giới đức thuần chân, tuệ căn tuyệt thế; bình thường nhật dụng bất ly tự tính Di Đà, vô ý ngữ ngôn đồ thị Đại thừa diệu chỉ. Khai thị pháp giới tính, đệ nhất nghĩa trùng đặc tuyên dương; kiên cố bồ đề tâm, Phật học hội lại dĩ thành lập. Tuy thị Lạc bang hữu nguyện, Liên trì tự tại hóa sinh; khả liên nhĩn thiếu duyên, đàm hóa hà thời tái đồ. Phật học hội đồng nhân: từ bi nguyện thiết, hộ pháp tâm hân. Thán thế gian chi không hư; niệm chúng trung nhi nhĩn mục. Đặc mệnh dư ký Giảng sư pháp thí công đức dĩ giáo vị lai. Dư bất lượng lực, viên hữu thử cử thuật kỳ hành trạng, thử chi hệ hữu minh viết:

Uẩn thân phi hữu, tâm tính bản không.
Ư tư cứu cánh, tông thông thuyết thông.
Hữu đại y sư, tri kiến viên dung.
Thí linh diệu dược, liệu bĩ quần mong.
Ai mẫn chúng sinh, thụ tam đồ khổ.
Khoát phá mê vân, phổ thi pháp vũ.
Khế lý khế cơ, khai thị vị ngộ.
Công đức chiêu dương, trạm nhiên thường trú.

Hoàng triều Bảo Đại thập niên, tuế thứ Ất Hợi thất nguyệt Phật hoan hỷ nhật.

Phật học hội Chứng minh đại đạo sư Thích Giác Nhiên duyệt.

Phật học hội Phó hội trưởng Tâm Minh Lê Đình Thám hòa nam cung soạn.

Phật học hội kính lập.

[Hậu diện]

Tất Đạt giảng sinh phù thử nhật,
Nhan Hồi đoản mệnh đồng tư nhân!

Bình Nam Nguyễn Khoa Tân hòa nam, hựu hữu Quốc ngữ thi nhất thủ (xem phần nguyên văn).

Phật tổ giảng sinh nhị thiên ngũ bách lục nhị niên Thành đạo nhật.

3. Văn bia tháp mộ sư Mật Nguyễn

Nguyễn văn:

密願法師行狀略敘

法師世姓陳氏世名國祿法名心如法號密願為臨濟四十三世原籍承天省香茶縣富春社生于辛亥年閏六月二十五日辰時即一九一一年八月十九日家嚴陳國禮府君家慈阮是璜孺人均是佛門正信者法師少時素性善捨從事新學惟深受家庭正信早知無常故於一九二六年以十五歲之童真禮竹林大聖寺大師覺先和尚為本師發心出家從此磨折與誘惑雖備受之而其志彌堅其行彌貞本師和上審之確一九二九年賜受沙彌戒戒法霑身之後精進愈大佛學院中以中等優項畢業著名本師和上即準從越南佛教義學前導之十塔彌陀寺福慧上人稟受佛學高等訓諭不久佛學總會成立法師即被充本會講師此時著名講師有敦厚智首密顯密契密體整肅等等法師及佛學總會創立之心明長者皆是法師同法兄法弟者越中之土自北以南無處不有法師足蹟能言而且能文佛教集刊無處不有法師筆墨人心之皈依佛法民族道德之賴以復活此功此績法師大有其分二十八歲時法師之智慧與威儀亦與年歲而俱增挺特以故得授大戒又得本師和上付法偈云

心如法界如

無生行等慈

若能如是解

念念證無餘

戒法俱有之後即被委任佛學院中等教授一九四六年任靈光寺古刹住持一九五一年任故都僧伽治事長一九五九年又任全越僧伽治事副一九六十年重修靈光古刹次年即開戒壇于此一九六三年全領導佛教徒抗倒吳廷制度一九六四年佛教統一教會成立法師任萬行區副代面及故都正代面一九六五年開建慈孝寺大戒壇法師之導辭有謂于此國土悲痛時代之中諸戒子應盡形壽堅持戒法改變身心環境以報佛恩以奉佛法一九六六年之法難法師愈盡其餘力然法師心志之所注是樹僧才培僧德以顧一九六七年特設了觀法度于靈光古刹所出僧才遍任諸地法務一九六八年進任萬行區正代面後即致力于育僧才進尼德增上佛教文化與慈善事業法師又盡其誠于和平運動其言論有謂我們佛子運用慈力與智力矢志建造我土非成一如他強國之土而成一崇尚和平之土相與相新知足及向上而生我相信暴力無所能為也一九七一年在故都佛教大會法師之導辭有謂今後儘管外境若何之變故都佛教徒本有勇烈之傳統對於佛法與民族都不變舜若多性可銷亡燦迦羅心無動轉之心願法師一生之教誡學徒止謂和合與服務法師領導之所長是喜與捨以故能和必同舉眾悉悅固病復發之時亦不私安調養一九七二年八月十八日法師以辰時安祥社壽年六十二歲佛教僧統即特封以和尚尊位法師之生為法為人而佛法師之死為法為人而死法師之形雖滅法師之法永餘佛法忠良傑可以名之也

佛曆二五二十年歲在丁巳吉日

法契與學徒謹誌

Phiên âm:

Mật Nguyễn pháp sư hành trạng lược tự

Pháp sư thế tính Trần thị, thế danh Quốc Lộc, pháp danh Tâm Như, pháp hiệu Mật Nguyễn, vi Lâm Tế tứ thập tam thế, nguyên tịch Thừa Thiên tỉnh, Hương Trà huyện, Phú Xuân xã, sinh vu Tân Hợi niên nhuận lục nguyệt nhị thập ngũ nhật, Thìn thì, tức nhất cửu nhất nhất niên bát nguyệt thập cửu nhật. Gia nghiêm Trần Quốc Lễ phủ quân, gia từ Nguyễn Thị Hoàng nhụ nhân, quân thị Phật môn chính tín dã. Pháp sư thiếu thì tổ tính hỷ xả, hựu tùng sự tân học, duy thâm thụ gia đình chính tín, tảo tri vô thường. Cổ ư nhất cửu nhị lục niên, dĩ thập ngũ tuế chi đồng chân lễ Trúc Lâm Đại Thánh tự khai sơn Giác Tiên hòa thượng vi bản sư, phát tâm xuất gia. Tùng thủ, ma chiết dữ dụ hoặc tuy bị thụ chi, nhi kỳ chí di kiên, kỳ hạnh di trình; bản sư hòa thượng thâm

chi xác, nhất cửu nhị cửu niên, tứ thụ Sa Di giới. Giới pháp triêm thân chi hậu, tinh tiến dữ đại, Phật học viện trung dĩ trung đẳng ưu hạng tất nghiệp trừ danh. Bồn sư hòa thượng tức chuẩn tụng Việt Nam Phật giáo Nghĩa học tiên đạo chi Thập Thập Di Đà tự Phước Huệ thượng nhân, bảm thụ Phật học cao đẳng huấn dụ. Bất cửu Phật học Tổng hội thành lập, pháp sư tức bị sung bản hội Giảng sư. Thử thì trừ danh Giảng sư hữu Đôn Hậu, Trí Thủ, Mật Hiền, Mật Khế, Mật Thể, chỉnh túc đẳng đẳng pháp sư, cập Phật học hội sáng lập chi Tâm Minh trường giả giai thị pháp sư đồng pháp huynh pháp đệ giả. Việt Trung chi thổ tự bắc dĩ nam vô xứ bất hữu pháp sư túc tích. Năng ngôn nhi tả năng văn, Phật giáo tập san vô xứ bất hữu pháp sư bút mực. Nhân tâm chi quy y Phật pháp, dân tộc đạo đức chi lại dĩ phục hoạt. Thử công thử tích, pháp sư đại hữu kỳ phân. Nhị thập bát tuế thì, pháp sư chi trí tuệ dữ uy nghi diệc dữ niên tuế nhi câu tăng đỉnh đặc. Dĩ cố đặc thụ đại giới, hựu đặc bồn sư hòa thượng phó pháp. Kệ vân:

Tâm như pháp giới như,

Vô sinh hạnh đẳng từ.

Nhược năng như thị giải,

Niệm niệm chứng vô dư.

Giới pháp câu hữu chi hậu, tức bị suy nhiệm Phật học viện trung đẳng giáo thụ. Nhất cửu tứ lục niên, nhậm Linh Quang cổ sát trú trì. Nhất cửu ngũ nhất niên, nhậm Cổ đô Tăng già Trị sự trưởng. Nhất cửu ngũ cửu niên hựu nhậm Toàn Việt Tăng già trị sự phó. Nhất cửu lục thập niên, trùng tu Linh Quang cổ sát; thứ niên tức khai giới đàn vu thử. Nhất cửu lục tam niên, đồng lãnh đạo Phật giáo đồ kháng đảo Ngô Đình chế độ. Nhất cửu lục tứ niên, Phật giáo Thống nhất Giáo hội thành lập, pháp sư nhậm Vạn Hạnh khu phó đại diện cập Cổ đô chính đại diện. Nhất cửu lục ngũ niên, khai kiến Từ Hiếu tự đại giới đàn, pháp sư chi đạo từ hữu vị: “Vu thử quốc độ bi thống thời đại chi trung, chư giới tử ưng tận hình thọ kiên trì giới pháp, cải biến thân tâm hoàn cảnh dĩ báo Phật ân, dĩ phụng Phật pháp”. Nhất cửu lục lục niên chi pháp nạn, pháp sư dữ tận kỳ dư lực, nhiên pháp sư tâm chí chi sở chú thị thụ tăng tài, bồi tăng đức, dĩ cố nhất cửu lục thất niên, đặc thiết Liễu Quán pháp độ vu Linh Quang cổ sát, sở xuất tăng tài biến nhậm chư địa pháp vụ. Nhất cửu lục bát niên, tiến nhậm Vạn Hạnh khu chính đại diện, hậu tức trí lực vu dục tăng tài, tiến ni đức, tăng thượng Phật giáo văn hóa dữ từ thiện sự nghiệp.

Pháp sư hựu tận kỳ thành vu hòa bình vận động, kỳ ngôn luận hữu vị: “Ngã môn Phật tử vận dụng từ lực dữ trí lực, thi chí kiến tạo ngã thổ phi thành nhất như tha cường quốc chi thổ, nhi thành nhất sung thượng hòa bình chi thổ; tương dữ tương tân, tri túc cập hướng thượng nhi sinh. Ngã tương tín bạo lực vô sở năng vi dã”. Nhất cửu thất nhất niên, tại Cổ đô Phật giáo đại hội, pháp sư chi đạo từ hữu vị: “Kim hậu tấn quân ngoại cảnh nhược hà chi biến, Cổ đô Phật giáo đồ bản kỳ dũng liệt chi truyền thống đối vu Phật pháp dữ dân tộc đồ bất biến ‘Thuần nhĩ đa tính khả tiêu vong, thức giả la tâm vô động chuyển’ chi tâm nguyện”. Pháp sư nhất sinh chi giáo giới học đồ chỉ vị hòa hợp dữ phục vụ. Pháp sư lãnh đạo chi sở trường thị hỷ dữ xả, dĩ cố năng hòa tất đồng, cử chúng tất duyệt. Cố bệnh phục phát chi thì, diệc bất tư an điều dưỡng. Nhất cửu thất nhị niên bát nguyệt thập bát nhật, pháp sư dĩ Thận thì an tường xả thọ, niên lục thập nhị tuế. Phật giáo Tăng thống tức đặc phong dĩ hòa thượng tôn vị. Pháp sư chi sinh, vị pháp vị nhân nhi sinh; pháp sư chi tử, vị pháp vị nhân nhi tử. Pháp sư chi hình tuy diệt, pháp sư chi pháp vĩnh dư. Phật pháp trung lương kiệt khả dĩ danh chi dã.

Phật lịch nhị ngũ nhị thập niên, tuế tại Đinh Tỵ cát nhật.

Pháp khế dữ học đồ cần chí.